TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 68/2023/DS-ST
Ngày 12-7-2023
V/v tranh chấp về hợp đồng
vay tài sản và hợp đồng góp hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mai Thanh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thu C

2. Ông Nguyễn Hoàng Trung

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Huỳnh Thanh An – Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 12 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 195/2022/TLST-DS ngày 19-12-2022, về tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2023/QĐXXST-DS ngày 19-5-2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1950; địa chỉ: ấp X, xã M, huyện P, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

2. *Bị đơn*:

1/ Bà Bùi Thị C, sinh năm 1973;

2/ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1970;

Cùng địa chỉ: ấp X, xã M, huyện P, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07-12-2022, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị K trình bày:

Thời gian từ năm 2017-2018, bà có cho bà C vay tiền nhiều lần. Năm 2020, bà có tham gia chơi hụi do bà C làm chủ. Do chồng bà thứ 6, nên bà C, ông T gọi bà là mợ 6 hay bà 6 (gọi theo vai vế các con bà C, ông T), cụ thể như sau:

- Về số tiền vay:

Ngày 25-3-2017 âm lịch, bà C có hỏi vay của bà số tiền 40.000.000 đồng *(bốn mươi triệu đồng*). Hai bên thỏa thuận khi nào bà cần thì bà cho bà C hay trước 01 tháng để bà C chuẩn bị tiền trả cho bà.

Ngày 25-5-2017 âm lịch, bà C có hỏi vay của bà số tiền 80.000.000 đồng (*tám mươi triệu đồng)*. Hai bên thỏa thuận khi nào bà cần thì bà cho bà C hay trước 01 tháng để bà C chuẩn bị tiền trả cho bà.

Ngày 29-3-2018 âm lịch, bà C có hỏi vay của bà số tiền 40.000.000 đồng (*bốn mươi triệu đồng)*. Hai bên thỏa thuận khi nào bà cần thì bà cho bà C hay trước 01 tháng để bà C chuẩn bị tiền trả cho bà.

Tổng số tiền bà C vay của bà là 160.000.000 đồng.

Từ khi vay tiền đến cuối năm 2019, bà có thông báo bà C trả tiền cho bà, nhưng bà C vẫn không trả lại số tiền trên cho bà như đã thỏa thuận, mặc dù bà đã nhiều lần yêu cầu trả nợ; bà C cố tình tránh mặt hoặc viện dẫn nhiều lý do để không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà.

- Về số tiền nợ hụi:

1/ Dây hụi thứ nhất: Hụi 2.000.000 đồng, khui ngày 15-02-2020 âm lịch, mỗi tháng khui một lần, gồm có 26 phần, bà tham gia 02 phần. Từ lần khui thứ nhất đến thứ 22 bà đã đóng đủ tiền hụi, đến lần khui thứ 23 thì bà C ngưng không khui nữa. Dây hụi này bà C nợ bà số tiền 88.000.000 đồng (2.000.000 đồng x 22 lần x 2 phần = 88.000.000 đồng);

2/ Dây hụi thứ hai: Hụi 2.000.000 đồng, khui ngày 20-9-2020 âm lịch, mỗi tháng khui một lần, gồm có 25 phần, bà tham gia 01 phần. Từ lần khui thứ nhất đến thứ 14 bà đã đóng đủ tiền hụi, đến lần khui thứ 15 thì bà C ngưng không khui nữa. Dây hụi này bà C nợ bà số tiền 28.000.000 đồng (2.000.000 đồng x 14 lần = 28.000.000 đồng);

3/ Dây hụi thứ ba: Hụi 1.000.000 đồng, khui ngày 30-12-2020 âm lịch, mỗi tháng khui một lần, gồm có 27 phần, bà tham gia 02 phần. Từ lần khui thứ nhất đến thứ 11 bà đã đóng đủ tiền hụi, đến lần khui thứ 12 thì bà C ngưng không khui nữa. Dây hụi này bà C nợ bà số tiền 22.000.000 đồng (1.000.000 đồng x 11 lần = 22.000.000 đồng).

Tổng số tiền hụi bà C nợ bà là 138.000.000 đồng.

Tại thời điểm giao dịch vay tiền và hụi, vợ chồng bà C, ông T vẫn sống chung nhà, vẫn còn làm ăn chung, nên nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân là nghĩa vụ chung của vợ chồng bà C, ông T.

Bà yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà C, ông T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà tổng số tiền nợ vay và tiền hụi là 298.000.000đồng (*hai trăm chín mươi tám triệu đồng*).

Trong quá trình tố tụng, bị đơn bà Bùi Thị C, ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án giao các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và cũng không có nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Đây là vụ án Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi; bị đơn là bà Bùi Thị C, ông Nguyễn Văn T cư trú tại huyện P, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: bà Nguyễn Thị K có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bà Bùi Thị C, ông Nguyễn Văn T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà K, bà C, ông T.

[3]. Bà K khởi kiện yêu cầu bà C, ông T trả số tiền vay và số tiền hụi bà C, ông T thiếu bà là 298.000.000 đồng. Bà K có cung cấp cho Tòa án các biên nhận nợ số tiền 40.000.000 đồng, 120.000.000 đồng; các giấy hụi khui ngày 15-02-2020 âm lịch, ngày 30-9-2020 âm lịch, ngày 30-12-2020 âm lịch.

[4]. Tòa án đã niêm yết đơn khởi kiện cùng các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện cho bà C, ông T nhưng bà C, ông T không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà K. Hội đồng xét xử xác định bà C, ông T nợ bà K số tiền vay và tiền hụi là 298.000.000 đồng.

[5]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà K là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các điều 463, 466, 471 Bộ luật Dân sự, Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà K được Tòa án chấp nhận, nên bà C, ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 463, 466, 471, 357 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K.

1. Buộc bà Bùi Thị C, ông Nguyễn Văn T liên đới trả cho bà Nguyễn Thị K số tiền 298.000.000 đồng (*hai trăm chín mươi tám triệu đồng*).

2. Về án phí:

- Bà Bùi Thị C, ông Nguyễn Văn T liên đới chịu 14.900.000 đồng (*mười bốn triệu chín trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Bà K, bà C, ông T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự:
+ NĐ: (01);
+ BĐ: (02);
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND. H. Tân Phước;
- Chi cục THADS. H. Tân Phước;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Mai Thanh Liêm

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA